

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số 64/2019/DSST

Ngày: 31/10/2019

V/V: Tranh chấp HĐ mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập - tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA TỈNH BẮC GIANG

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Vinh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Xuân Trường

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa;

Ông: Ông Văn Chúc KSV

Ngày 31 tháng 10 năm 2019. Tại trụ sở toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà.
Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã xét xử sơ thẩm công khai
vụ án dân sự thụ lý số: 16/2016/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc
Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
87/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T sinh năm 1962. Có mặt

Địa chỉ: thôn T T, xã H S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn K, (tức Phạm Văn K) sinh năm 1972. Vắng
mặt

Địa chỉ: thôn T S, xã HS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

Chị Hoàng Thị X sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn T S, xã H S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Ông Hoàng Minh Đ sinh năm 1959 Có mặt

Địa chỉ: thôn T T, xã H S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, cũng
như trước phiên tòa công khai sơ thẩm hôm nay bà T và ông D đều trình bày:
gia đình bà T có mở cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng, năm 2012 gia đình
anh K có làm nhà cho nên có đến cửa hàng vật liệu gia đình chị mua vật liệu
xây dựng cụ thể ;

Ngày 10/11/2012 anh K mua gạch các loại tổng trị giá 14.196.000đ

Ngày 16/11/2012 anh K và vợ mua gạch các loại tổng trị giá 528.000đ

Ngày 17/11/2012 anh K mua gạch các loại tổng trị giá 187.000đ

Ngày 21/11/2012 anh K mua gạch các loại tổng trị giá 2.190.000đ nhưng trả số tiền còn nợ lần trước là 4.000.000đ

Ngày 22/11/2012 anh K mua xi măng trị giá 840.000đ

Ngày 24/11/2012 anh K mua gạch tổng trị giá 780.000đ

Sau đó đã thống nhất anh K còn nợ 13.929.000đ. sau khi đòi nợ không được cho nên đến ngày 28/12/2012 hai bên thỏa thuận bắt gà trả nợ tiền mua vật liệu. Sau khi thỏa thuận thì vợ chồng chị sang nhà anh K bắt gà được 55 kg giá gà là 70.000đ/kg thành tiền trừ vào nợ là 3.850.000đ và chốt nợ vợ chồng anh Khương còn nợ lại là 10.079.000đ và hẹn đến tết xong trả.

Đến ngày 01/02/2013 vợ anh K là chị Hoàng Thị X mang trả 2.000.000đ và hẹn đến tháng 5/2013 trả.

Nay bà T xác định anh K, chị X còn nợ gia đình bà 8.079.000 đ yêu cầu trả. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa bà yêu cầu anh K phải trả bà lãi 9%/năm tính từ tháng 5/2013 cho đến nay

* Đối với bị đơn anh K và chị Hoàng Thị X Tòa án đã triệu tập nhiều lần và có lần đến tòa án anh, chị khai năm 2012 gia đình anh chị có làm nhà và mua vật liệu của gia đình bà T, ông Đ; anh mua nhiều lần gạch ốp lát và gạch lát nền nhà cụ thể số lượng bao nhiêu anh không nhớ, hết bao nhiêu tiền không nhớ vì gia đình anh không ghi sổ. Gia đình chị T anh Đ có ghi sổ. Cụ thể anh không nhớ cả việc trả tiền chỉ biết có thiếu tiền nên bà T, ông Đ bắt gà trừ nợ, số lượng gà bao nhiêu không nhớ nhưng ông Đ nói là hết nợ cho nên nay không nợ. Và anh K cũng không có giấy tờ về việc thanh toán nợ với ông Đ, không cung cấp được tài liệu xác định anh đã trả bà T, ông Đ nay anh K xác định đã trả hết không nợ không đồng ý trả.

Có lúc anh K khai chữ viết và chữ ký trong sổ theo dõi nợ của gia đình chị T không phải chữ ký và chữ viết của anh nhưng Tòa án yêu cầu anh xuất trình chữ viết và chữ ký của anh để đi giám định. nhưng anh cũng không xuất trình và không đến tòa án để làm việc.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu; - Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa sơ thẩm đã đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện các quy định Bộ

luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật bị đơn không chấp hành quy định của Tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b,d khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điều 271,khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; - Điều 430; Điều 432; Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị T, số tiền 8.079.000 đồng gốc và 4.500.000đ lãi.

-Về án phí: Anh Hoàng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K và chị X vắng mặt tại phiên tòa mặc dù tòa án đã tiến hành giao các thủ tục thông báo giao nộp , tiếp cân công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh K cũng như chị X vẫn vắng mặt không viết bản tự khai không cung cấp chứng cứ và không đến tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án cũng đã giao giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn K cũng như chị Hoàng Thị X vẫn vắng mặt vì vậy hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị X là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự anh K và chị X được quyền kháng cáo vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo bà T và ông Đ cũng như anh K khai thì do gia đình bà T bán hàng vật liệu xây dựng cho nên gia đình anh K mua gạch lát nhà còn nợ tiền chưa trả. Tại phiên tòa cũng như tại tòa án bà T vẫn xác định đó là khoản nợ tiền mua vật liệu chưa trả. Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến việc bà T đòi tiền anh K là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự.Về thời hiệu khởi kiện; Bà T bán hàng cho anh K từ tháng 11/2012 và thỏa thuận sau một tháng trả nhưng khi anh K, chị X không trả được tiền nợ và được bà T đồng ý và cho đến tháng 05/2013 bà T mới yêu cầu anh K trả mặc dù bà T đã sang đòi nhiều lần. Như vậy thời điểm tính phát sinh tranh chấp là tháng 5/2013 đến tháng 01/2016 bà T đã có đơn khởi kiện tại Tòa án cho nên bà T đã có đơn khởi kiện

trong thời hạn 3 năm kể từ ngày phát xình tranh chấp vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Thu được chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà T buộc anh K phải thanh toán trả 8.079.000đ thấy rằng qua các chứng cứ do bà T xuất trình lời khai người làm chứng cung như lời trình bày của anh K thấy rằng năm 2012 gia đình anh K xây dựng nhà ở trong quá trình xây dựng có mua của gia đình ông Đ bà T gạch ốp lát và gạch lát nền nhà nhiều lần và hai bên đã thanh toán cho nhau nhiều lần cho đến tháng 12 năm 2012 gia đình anh K còn nợ bà T 13.929.000đ, nhưng do không có tiền trả cho nên hai bên đã thỏa thuận gia đình bà Tsang gia đình anh K bắt gà và bà T đã sang gia đình anh K bắt 55 kg gà trị giá 3.850.000đ và đều được thanh toán trả vào tiền nợ mua vật liệu. Sau đó chị X vợ anh K đã sang trả tiếp 2.000.000đ số tiền còn nợ là 8.079.000đ bà T đã đòi nhiều lần nhưng anh K không trả, anh cho rằng khi bắt gà là đã thanh toán hết nợ. Nhưng anh K cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh đã thanh toán hết nợ. Anh K cũng xác định toàn bộ việc mua bán vật liệu xây dựng giữa gia đình anh và gia đình bà T anh không ghi chép sổ sách mà mọi việc ghi chép là do bà T ghi trong sổ bán hàng nhà bà T. Các lần trả tiền bà T đều ghi và sổ ngoài ra anh cũng thừa nhận khi bà T bắt gà của gia đình anh, anh cũng không biết cụ thể bao nhiêu kg gà và trị giá tiền là bao nhiêu. Chị T xuất trình chữ ký trong sổ ghi mua bán vật liệu xây dựng và thanh toán có việc anh ký và chị X vợ anh viết nhưng anh và chị X thừa nhận việc mua hàng bà T ghi chép nhưng không thừa nhận chữ ký. Tòa án yêu cầu anh K chị X đến tòa án để lấy mẫu chữ ký và chữ viết để giám định nhưng anh K và chị X đều không đến tòa án và cũng không cung cấp mẫu chữ viết và chữ ký để tiến hành giám định vì vậy đã có đủ căn cứ để xác định gia đình anh K khi xây dựng nhà ở có mua của gia đình bà T vật liệu xây dựng cho đến nay còn nợ 8.079.000đ chưa thanh toán vì vậy cần buộc Anh K và chị X liên đới phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Đoàn Thị T số tiền là 8.079.000đ gốc là phù hợp với điều 440 Bộ luật dân sự cho nên yêu cầu của bà T cần được chấp nhận.

Xét bà T yêu cầu anh K trả lãi 4.500.000đ từ tháng 05 năm 2013 cho đến nay thấy rằng: từ tháng 5/2013 cho đến nay là 6 năm 5 tháng lãi xuất cơ bản trong giai đoạn đó là 9%/năm cụ thể gốc 8.079.000đ x 9%/năm x 6 năm 5 tháng tổng là 4.664.660 đ nhưng bà T chỉ yêu cầu anh K trả lãi 4.500.000đ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận cho nên bà T không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu của Bà T là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận

Từ lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b,d khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điều 271,khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; - Điều 430; Điều 432; Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T.

Buộc Anh Hoàng Văn K (tức Phạm Văn K) và chị Hoàng Thị Xliên đới phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Đoàn Thị T số tiền là 12.579.000đ(Mười hai triệu năm trăm bảy chín nghìn đồng) (trong đó gốc 8.070.000đ và Lãi 4.500.000đ)

Về án phí: Buộc Anh Hoàng Văn K (tức Phạm Văn K) chị Hoàng Thị X liên đới phải chịu 628.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đoàn Thị T. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị T số tiền201.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000154, ngày 20/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày người được thi hành áncó đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian phải thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bắc Giang;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa-

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Dương sự
- Lưu.

Hà Văn Vinh